

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 748/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm G, sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: Ấp 61, xã N, huyện M, tỉnh ĐN.

2. Bà Huỳnh T, sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: B đường Đ, Phường 5, quận BT, Thành phố HCM

Tạm trú: KL, Khu phố 4, phường H, Quận 7, Thành phố HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm G và bà Huỳnh T qua thời gian tìm hiểu được 05 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận BT, Thành phố HCM cấp ngày 01/6/2018).

Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Hiện nay, ông G và bà T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông G và bà T cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm G và bà Huỳnh T xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm G và bà Huỳnh T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm G và bà Huỳnh T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm G và bà Huỳnh T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm G và bà Huỳnh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/2018 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Phạm G và bà Huỳnh T xác nhận không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Ông Phạm G và bà Huỳnh T xác nhận không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Ông Phạm G và bà Huỳnh T xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm G và bà Huỳnh T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0041912 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm G và bà Huỳnh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy